

Số: /QĐ-BNN-TS

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Dự án đầu tư Nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ
phát triển giống thủy sản Dự án thành phần 3: Nâng cấp, cải tạo
Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019; Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 và các văn bản hướng dẫn Luật Thủy sản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2513/QĐ-BNN-KH ngày 07/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án "Nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống thủy sản";

Căn cứ Quyết định số 3330/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất giống thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 3538/QĐ-BNN-KH ngày 19/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất giống thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc điều chỉnh tên chủ sử dụng đất, diện tích đất và xác định lại loại đất tại Quyết định số 592/QĐ-UB ngày 22/9/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 8565/UBND-QH ngày 03/10/2023 của Ủy ban nhân dân

tỉnh Lâm Đồng về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đối với vị trí khu đất Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung thuộc Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III tại xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng;

Xét Tờ trình số 551/TTr-VTSI ngày 23/10/2023 của Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I về việc trình phê duyệt dự án “Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống thủy sản - Dự án thành phần 3: Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung”;

Theo đề nghị của Cục trưởng cục Thủy sản (kèm theo báo cáo số 1407/BC-TS-KHTC ngày 22/11/2023) và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống thủy sản - Dự án thành phần 3: Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống thủy sản.

2. Tên dự án thành phần 3: Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Chủ đầu tư Dự án thành phần 3: Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III.

5. Mục tiêu:

- Mục tiêu chung: Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và sản xuất giống các đối tượng thủy sản đặc hữu, có giá trị kinh tế cao theo Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

- Mục tiêu cụ thể: Nâng cấp Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung trên khu đất khoảng 7,4 ha tại huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

5. Quy mô đầu tư:

5.1. Khu sản xuất giống:

5.1.1. Tổ chức lại các khu/cụm ao và nhà sản xuất giống theo chức năng, đảm bảo cho nhiệm vụ: Lưu giữ nguồn gen cho 07 loài với số lượng là 900 con; Sản xuất giống cho 04 loài cá bố mẹ với số lượng 4.000 con; Sản xuất cá bột cho 06 loài với số lượng 2.120.000 con; Sản xuất cá giống cho 06 loài với số lượng 500.000 con cá giống.

5.1.2. Quy mô xây dựng:

Nâng cấp công trình phục vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, sản xuất giống, gồm: Ao nuôi lưu giữ nguồn gen; Ao nuôi bố mẹ; Ao ương giống; Nhà sản xuất giống.

a) Ao nuôi bố mẹ và lưu trữ nguồn gen:

- Ao nuôi lưu giữ nguồn gen gồm 03 ao (ao ALG.1, ALG.2 và ALG.3), tổng diện tích khoảng 6.307 m² được thiết kế nâng cấp công trình ao và cấp thoát nước

đồng bộ.

- Ao nuôi bố mẹ gồm 04 ao (ao ABM.1, ABM.2, ABM.3 và ABM.4), tổng diện tích khoảng 20.878 m².

- Ao ương giống gồm 03 ao (ao AU.1, AU.2 và AU.3), tổng diện tích khoảng 6.904 m² có chức năng chuyên sản xuất cá giống, ương cá bột.

- Các ao được gia cố mái bằng tấm BTCT, phần đỉnh và chân khay được gia cố kết cấu giằng BTCT.

b) Nhà sản xuất cá giống (01 nhà):

Nhà sản xuất giống (để chứa các bể ương nuôi cá) được bố trí ở phía Tây Nam của khu sản xuất, giáp với với khu bể thí nghiệm ngoài trời cao 01 tầng có diện tích khoảng 1.190m², mái lợp tôn, được đỡ bởi hệ thống cột BTCT, vì kèo thép khẩu độ lớn, trần cách nhiệt, có tường gạch xây bao.

5.2. Công trình hạ tầng phụ trợ phục vụ sản xuất giống thủy sản.

5.2.1. Nhà thường trực và kho chứa: Công trình tích hợp kho và nhà trực (diện tích khoảng 150m²) gồm: phòng thường trực, kho chứa thức ăn và kho chứa dụng cụ sản xuất.

Nhà cao 01 tầng khung BTCT chịu lực, mái vì kèo thép lợp tôn chống nóng tên hệ tường xây thu hồi và mái BTCT. Diện tích xây dựng khoảng 150m². Hệ thống cấp điện/nước và thoát nước đồng bộ.

5.2.2. Nâng cấp ao chứa nước cấp: Ao chứa nước (ao AC.01) có diện tích khoảng 9.060m² chiều sâu trung bình 3,5m đảm bảo chức năng lưu chứa và kiểm soát chất lượng nước cấp phục vụ cho nuôi cá giống phù hợp yêu cầu kỹ thuật tại QCVN 01- 81:2011/BNNPTNT.

Giải pháp công trình: Ta luy mái ao được gia cố mái bằng tấm BTCT, phần đỉnh và chân khay được gia cố kết cấu giằng BTCT.

5.2.3. Nâng cấp ao chứa nước thải: Ao xử lý nước thải gồm 02 ao (ao AXL.1 và AXL.2), tổng diện tích khoảng 4.445m² có chiều sâu 3,0m đảm bảo chức năng lưu chứa nước thải từ các khu ao nuôi để kiểm soát trước khi xả ra hệ thống thoát nước của khu vực.

Giải pháp công trình: Ta luy mái ao được gia cố mái bằng tấm BTCT, phần đỉnh và chân khay được gia cố kết cấu giằng BTCT.

5.2.4. Hệ thống dẫn cấp nước sản xuất:

- Kênh cấp nước vào ao chứa: Chiều dài khoảng 248m, chiều rộng 1,0m được chia làm 02 kênh (01 kênh cấp nước vào ao chứa và 01 kênh cấp nước hoàn trả cho sản xuất nông nghiệp của địa phương), chiều sâu kênh trung bình 1,0m, kênh có kết cấu BTCT.

- Kênh cấp nước cho các ao: Chiều dài khoảng 492 m, chiều rộng kênh 0,5m, chiều sâu 1,0 m, kênh có kết cấu BTCT.

- Hệ thống cấp nước cho nhà sản xuất và khu bể thí nghiệm: Chiều dài khoảng 76m, bằng đường ống nhựa uPVC D76 đến D110mm và bố trí các van

khóa nước.

5.2.5. Hệ thống dẫn thoát nước sản xuất:

- Hệ thống kênh thoát nước cho các ao nuôi: Chiều dài khoảng 346,0 m, chiều rộng kênh 0,5m, chiều sâu 0,6 m, kênh có kết cấu bằng BTCT.

- Hệ thống cống thoát nước ao nuôi: có 09 cống bằng đường ống nhựa uPVC và bố trí các van khóa nước.

- Hệ thống thoát nước cho các nhà sản xuất và khu bể thí nghiệm: Chiều dài khoảng 100m, rãnh 30x30cm xây gạch.

5.2.6. Hệ thống bể thí nghiệm: 02 bể với diện tích khoảng 444 m². Kết cấu: Đáy bể bằng BTCT M200; tường bể xây gạch đặc; trát bể bằng vữa xi măng. Hệ thống cấp thoát nước bằng ống nhựa uPVC.

5.2.7. Hệ thống cấp điện sản xuất, chiếu sáng khu sản xuất:

- Đường dây trung thế và trạm biến áp 100KVA: Nâng cấp trạm biến áp hiện hữu từ 50KVA thành trạm treo có công suất 100KVA và chuyển vị trí trạm biến áp từ ngoài quốc lộ 21 vào phía trong khu đất của trung tâm, chiều dài đường dây trung thế đi nổi khoảng 76m.

- Hệ thống điện hạ thế: Từ trạm biến áp bố trí đường xây hạ thế chạy đến các công trình sử dụng và các ao. Đường điện được đi nổi và kết hợp với đường điện chiếu sáng trong khu dự án, tổng chiều dài đường điện hạ thế khoảng 660m.

- Hệ thống điện chiếu sáng: Hệ thống điện chiếu sáng chạy song song với hàng rào và quanh ao xử lý nước thải, tổng chiều dài đường cáp khoảng 1.140m và tại các cột lắp đặt khoảng 32 bộ đèn chiếu sáng.

5.2.8. Cổng, hàng rào:

- Cổng: Xây lại cổng chính đi từ quốc lộ 21 vào Trung tâm. Chiều rộng 6m.

- Tường rào: Tổng chiều dài khoảng 791m, chiều cao 2,4m, bao gồm 2 phần: Phần dưới xây gạch đặc và lưới thép gai. Kết cấu: Móng xây đá chẻ, tường phía dưới xây gạch không nung.

5.2.9. San lấp mặt bằng xây dựng Nhà sản xuất giống:

- Diện tích san nền: 6.987,5 m²; Độ dốc san nền $i=0,4\%$ để đảm bảo độ dốc thoát nước. Vật liệu san nền đất tận dụng đào ao để đắp.

5.2.10. Hệ thống sân đường nội bộ và cây xanh: Kết cấu sân đường đảm bảo giao thông nội bộ, vận chuyển vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất ương nuôi đến từng vị trí sản xuất (ao nuôi, nhà ương...) đảm bảo đồng bộ, vững chắc, phù hợp tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn TCVN 10380: 2014.

- Tuyến đường nội bộ chính (*Trục B*): Từ cổng chính vào đến khu sản xuất giống có chiều dài 294,23m gồm 2 đoạn: đoạn 1 từ cổng vào đến nhà công nghệ cao có chiều dài khoảng 99m, chiều rộng mặt đường 5,5m, lề đường 2m; đoạn 2 từ nhà công nghệ cao đến nhà sản xuất giống có chiều dài khoảng 195m, chiều rộng mặt đường là 3,5m, lề đường 0,75m. Kết cấu mặt đường bê tông xi măng, hè đường lát gạch Block BTXM.

- Tuyến đường nội bộ còn lại (*Trục 1; 2; 3; 5; 6; A và C*): Có tổng chiều dài khoảng 1.217m, chiều rộng mặt đường là 3,5m. Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng M250.

- Sân nội bộ: Được bố trí ở 3 khu: khu vực nhà thường trực và nhà kho; khu nhà công nghệ cao; khu nhà sản xuất giống và vỉa hè có diện tích khoảng 1.546 m². Mặt sân lát gạch Terrazzo.

- Khu vực cây xanh: có diện tích khoảng 12.840 m² bố trí xung quanh khu vực nhà làm việc và nhà công nghệ cao.

5.3. Công trình khu hành chính

5.3.1. Cải tạo Nhà làm việc đảm bảo các công năng phục vụ, gồm: Tháo dỡ các khu vệ sinh ở trong các phòng làm việc; lát lại nền nhà, trát lại tường nhà và sơn lại, thay thế cửa vào. Bố trí khu vệ sinh tập trung có diện tích khoảng 18 m².

5.3.2. Cải tạo Nhà công nghệ cao hiện hữu, gồm: Thay thế phần mái lợp bằng tôn, hệ thống đường ống cấp nước, quét lại vôi, thay cửa và sửa chữa lại khu vệ sinh.

5.4. Thiết bị

5.4.1. Thiết bị phục vụ sản xuất:

- Bể composite: 08 bể loại 1m³, 60 bể loại 3m³, 10 bể loại (2x1x1m) hình chữ nhật.

- Bể kính (0.5x0.5x1m): 12 cái

- Máy tạo ôzôn (công suất 20 gms/h): 01 bộ; Máy sục khí (1.500 W): 02 chiếc; Máy bơm nước (1 HP) cho màng lọc tuần hoàn: 02 chiếc; Bể lọc tuần hoàn chìm (6mx1mx1m) với 7 bức tường ngăn xây gạch đơn: 02 chiếc.

5.4.2. Thiết bị theo xây lắp:

- Trạm biến áp 100KVA: 01 trạm.

- Máy bơm chìm cấp nước có công suất công suất 150m³/h: 02 chiếc.

6. Tổ chức Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần Kiến trúc IDIC.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất xây dựng công trình:

7.1. Địa điểm xây dựng: Trên khu đất khoảng 7,4ha của Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung tại xã Xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

7.2. Diện tích đất xây dựng công trình: Khoảng 4,6ha.

8. Nhóm dự án; loại, cấp công trình:

8.1. Nhóm dự án: Nhóm B.

8.2. Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp IV.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

9.2. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: tại Phụ lục II kèm theo.

10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng).

Bao gồm:

- Chi phí xây dựng:	31.606.910.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	1.034.557.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	872.218.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.923.957.000 đồng
- Chi phí khác:	530.493.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	4.031.842.000 đồng

(Nội dung chi tiết như Phụ lục I kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án: Từ 2023 đến 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn từ Ngân sách trung ương (do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý)

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

14. Các nội dung khác:

14.1. Các lưu ý trong trong giai đoạn triển khai sau thiết kế cơ sở:

a) Các nội dung được phép thay đổi trong bước thiết kế sau thiết kế cơ sở: Diện tích các ao; chi tiết tuyến đường giao thông nội bộ; chi tiết kiến trúc công trình phụ trợ; chiều dài kênh, ống nhựa cấp thoát nước; vị trí các cột, chiều dài tuyến đường dây cấp điện. Việc điều chỉnh thay đổi không làm vượt tổng mức đầu tư và nguồn vốn bố trí cho dự án;

b) Tính toán, lựa chọn tối ưu công suất thiết bị bơm nước cấp, trạm biến áp, kết cấu gia cố bờ các ao, nhà kho, nhà sản xuất cá giống, đường giao thông nội bộ bảo ổn định, kỹ thuật và hiệu quả kinh tế.

c) Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình, phù hợp yêu cầu của quy hoạch xây dựng của địa phương và đảm bảo hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại các Điều: 25; 26; 32 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

14.2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

- Hiệu chỉnh thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, chi phí thuộc tổng mức đầu tư theo kết quả thẩm định số 1407/BC-TS-KHTC ngày 22 /11/2023 của Cục Thủy sản.

- Báo cáo cơ quan chức năng tại địa phương các hoạt động xây dựng tại vị trí, phạm vi dự án để được giám sát, điều phối theo quy định của pháp luật về an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

- Tiếp tục rà soát nội dung dự án với các quy định của pháp luật về môi trường để thực hiện đầy đủ các yêu cầu (đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường,...); kịp thời cập nhật vào hồ sơ dự án các nội dung yêu cầu về môi trường của cơ quan chức năng (nếu có) và báo cáo Bộ xem xét theo quy định..

- Tiếp tục rà soát, cập nhật các quy hoạch tại địa phương và chỉ tiến hành lập, trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu sau khi tỉnh Lâm Đồng phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chung đô thị Finôm- Thạch Mỹ đến năm 2035.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Cục Thủy sản thực hiện chức năng của cơ quan chuyên môn về xây dựng, là đơn vị đầu mối thẩm định, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch thực hiện chức năng phân bổ vốn đầu tư thực hiện dự án và các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ.

- Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản III thực hiện chức năng chủ đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý vốn, kỹ thuật, chất lượng, tiến độ; giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện theo các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, về bảo vệ môi trường; đưa công trình vào sử dụng theo đúng các quy định chuyên ngành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Thủy sản; Cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học công nghệ và Môi trường; Viện trưởng Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, Viện trưởng Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản III và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phùng Đức Tiến;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Kho bạc NN tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VT, TS (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp